

Chương 3 :

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
& THỊ TRƯỜNG PHI TẬP TRUNG OTC
(OVER THE COUNTER)**

I - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VÀ CÁC THÀNH VIÊN

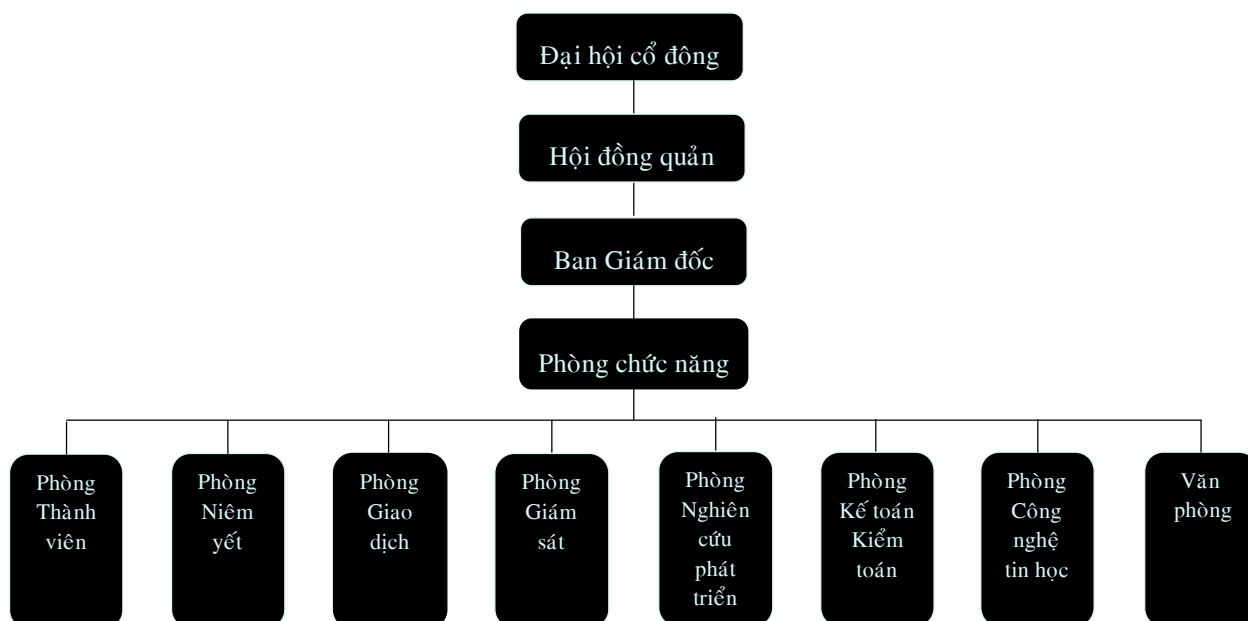
1 - Khái niệm :

- Sở Giao dịch chứng khoán là một thị trường trong đó việc giao dịch mua bán chứng khoán được thực hiện tại một địa điểm tập trung gọi là sàn giao dịch (*trading floor*) hoặc thông qua hệ thống máy tính điện tử.
- Hình thức sở hữu :
 - Sở hữu thành viên (phổ biến nhất)
 - Công ty cổ phần
 - Sở hữu Nhà nước

2 - Chức năng :

- Thiết lập một thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức, vận hành liên tục.
- Làm tăng tính thanh khoản và khả mại cho các chứng khoán → các nhà đầu tư có thể dễ dàng mua hoặc bán chứng khoán niêm yết một cách nhanh chóng.
- Xác định giá cả công bằng dựa trên cơ sở so khớp các lệnh mua và bán chứng khoán .
- Tạo ra một thị trường mua bán tự do, cởi mở và công bằng .
- Đưa ra các báo cáo một cách chính xác và liên tục về các chứng khoán, tình hình hoạt động của các tổ chức niêm yết, các công ty chứng khoán .

3 - Tổ chức và hoạt động của Sở giao dịch :



a/ Hội đồng quản trị :

❖ Quyền hạn :

- Ra quyết định về hoạt động của Sở GDCK .
- Đình chỉ và rút giấy phép thành viên.
- Chấp thuận, đình chỉ và hủy bỏ niêm yết
- Phê duyệt kế hoạch và ngân sách hàng năm của Sở
- Ban hành và sửa đổi các quy chế hoạt động của Sở
- Giám sát hoạt động của thành viên.
- Xử phạt các hành vi vi phạm quy chế của SGDCK.
- Có thể trao một số quyền cho Tổng GD Sở GDCK để điều hành công việc kịp thời.

❖ Thành viên Hội đồng quản trị :

Được bày tỏ ý kiến của mình tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

❖ Bầu chọn thành viên Hội đồng quản trị:

Thông thường nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các ủy viên là Giám đốc điều hành có thời hạn 3-4 năm, còn các đại diện khác có thời hạn ít hơn.

b/ Ban Giám đốc điều hành :

- Đứng đầu là Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc điều hành phụ trách các lĩnh vực khác nhau.
- Chịu trách nhiệm về hoạt động của Sở GDCK, giám sát các hành vi giao dịch của các thành viên, dự thảo các quy định và quy chế của SGDCK.

c/ Các tiểu ban hỗ trợ :

Có chức năng tư vấn, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và ban Giám đốc điều hành trên cơ sở đưa ra các ý kiến đề xuất thuộc lĩnh vực của ban mình nghiên cứu.

4 - Các phòng ban của Sở giao dịch chứng khoán :

- Tùy theo công việc hoạt động của SGDCK mà chia thành nhóm hay các bộ phận khác nhau sao cho đạt được hiệu quả tối ưu.
- Thông thường được xây dựng trên cơ sở 3 khối công việc sau :

➤ ***Các phòng chuyên môn :***

- + Phòng giao dịch
- + Phòng niêm yết
- + Phòng thành viên

➤ ***Các phòng phụ trợ :***

- + Phòng kế hoạch và nghiên cứu
- + Phòng hệ thống điện toán
- + Phòng tổng hợp - đối ngoại

➤ ***Các phòng về kiểm soát và thư ký***

5 - Các thành viên của Sở giao dịch chứng khoán :

- Là các nhà môi giới hưởng hoa hồng hoặc kinh doanh chứng khoán cho chính mình tham gia giao dịch trên sàn hoặc thông qua hệ thống giao dịch đã được điện toán hóa.

- Là các công ty chứng khoán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động và được Sở GDCK công nhận là thành viên của mình .

a/ Phân loại thành viên :

- Việc phân loại phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về lịch sử, phương thức hoạt động của Sở GDCK
 - *Phân loại theo quyền của thành viên :* thành viên chính và thành viên đặc biệt.
 - *Phân loại theo chức năng :* thành viên là các chuyên gia thị trường, nhà môi giới của công ty thành viên, nhà môi giới độc lập, nhà tạo lập thị trường và người giao dịch cạnh tranh.
 - *Phân loại khác :* thành viên trong nước và thành viên nước ngoài.

b/ Tiêu chuẩn thành viên :

- Các SGCK đều đề ra quy định về tiêu chuẩn thành viên của mình dựa trên đặc điểm lịch sử phát triển, đặc thù của công ty chứng khoán, thực trạng nền kinh tế, cũng như mức độ tự do hóa và phát triển thị trường tài chính.
- Tiêu chuẩn là thành viên của Sở GDCK được xem xét trên các khía cạnh sau:
 - *Yêu cầu về tài chính :* vốn góp cổ đông, vốn điều lệ và tổng tài sản được quy định như là các yêu cầu tài chính chủ yếu đối với các thành viên Sở GDCK.
 - *Quy định về nhân sự :* số lượng và chất lượng của ban điều hành, các nhà phân tích chứng khoán và các chuyên gia khác phải được quy định trong quy chế về nhân sự.
 - *Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật :* công ty xin làm thành viên phải có trụ sở chính, các chi nhánh, văn phòng giao dịch cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị phải đáp ứng được yêu cầu của kinh doanh.

II - NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Sở GDCK hoạt động dựa trên 4 nguyên tắc cơ bản :

1. **Nguyên tắc công khai :** Phải công khai thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, dễ tiếp cận nhằm bảo vệ nhà đầu tư → nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư .
2. **Nguyên tắc trung gian :** Các giao dịch được thực hiện thông qua các công ty CK
3. **Nguyên tắc hình thành giá:**

a/ Căn cứ vào hình thức đấu giá :

- ∞ Đấu giá trực tiếp : tại quầy giao dịch
- ∞ Đấu giá gián tiếp : qua điện thoại và mạng máy tính
- ∞ Đấu giá tự động : qua hệ thống mạng vi tính được kết nối giữa Sở Giao dịch và các công ty chứng khoán

b/ Căn cứ vào phương thức đấu giá :

- ∞ Đấu giá định kỳ
- ∞ Đấu giá liên tục

4. **Nguyên tắc trật tự ưu tiên :**

Khi thực hiện nguyên tắc đấu giá phải tuân thủ theo các thứ tự ưu tiên : giá, thời gian và qui mô lệnh

III - NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

1 - Khái niệm :

- Niêm yết chứng khoán là việc đưa các chứng khoán có đủ tiêu chuẩn vào đăng ký và giao dịch tại thị trường giao dịch tập trung.
- Tổ chức niêm yết là tổ chức phát hành được phép niêm yết chứng khoán trên thị trường giao dịch tập trung.

2 - Mục đích của niêm yết chứng khoán :

- Cung cấp cho các nhà đầu tư thông tin đầy đủ về tổ chức niêm yết .

- Thiết lập quan hệ hợp đồng giữa Sở GDCK với tổ chức có chứng khoán niêm yết .
- Hỗ trợ thị trường hoạt động ổn định, xây dựng lòng tin của công chúng đối với TTCK bằng cách lựa chọn các chứng khoán có chất lượng cao để giao dịch .
- Giúp cho việc xác định giá chứng khoán được công bằng trên thị trường đấu giá .

3 - Tiêu chuẩn niêm yết chứng khoán :

Tại Việt Nam, theo thông tư số 59/2004/TT-BTC, ngày 18/6/2004, quy định :

Điều kiện niêm yết cổ phiếu :

- Là công ty cổ phần có mức vốn điều lệ tại thời điểm niêm yết tối thiểu là 10 tỷ VNĐ, tính theo giá trị sổ sách .
- Không có nợ quá hạn trên 1 năm . Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và người lao động trong công ty.
- Hoạt động kinh doanh có lãi trong 2 năm liên tục liền trước năm xin niêm yết .
- Với doanh nghiệp chuyển đổi thành Cty cổ phần : thời gian 2 năm liên tục có lãi liền trước năm xin niêm yết bao gồm cả thời gian trước khi chuyển đổi .
- Với doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa và niêm yết ngay trên TTCK trong vòng 1 năm sau khi thực hiện chuyển đổi : hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm xin phép phải có lãi .
- Tối thiểu 20% vốn cổ phần của doanh nghiệp phải được bán cho trên 100 nhà đầu tư ngoài doanh nghiệp . Đối với công ty có vốn cổ phần từ 100 tỷ VNĐ trở lên thì tỷ lệ này tối thiểu là 15% vốn cổ phần .
- Các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của công ty phải cam kết nắm giữ ít nhất 50% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 3 năm kể từ ngày niêm yết .

Điều kiện niêm yết trái phiếu :

- Là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp Nhà nước có mức vốn điều lệ tại thời điểm xin niêm yết tối thiểu là 10 tỷ VNĐ, tính theo giá trị sổ sách .
- Hoạt động kinh doanh có lãi trong 2 năm liên tục liền trước năm xin niêm yết . Với doanh nghiệp chuyển đổi thành Cty cổ phần, thời gian trên bao gồm cả thời gian trước khi chuyển đổi .
- Có ít nhất 50 người sở hữu trái phiếu

IV - THỊ TRƯỜNG PHI TẬP TRUNG – OTC (*OVER THE COUNTER*)

1 - Những vấn đề chung về thị trường OTC :

◆ *Khái niệm :*

- Thị trường chứng khoán phi tập trung OTC (Over The Counter) là thị trường không có trung tâm giao dịch tập trung .
- Đó là mạng lưới các nhà môi giới và tự doanh chứng khoán mua bán với nhau và với các nhà đầu tư .
- Các hoạt động của thị trường OTC được diễn ra tại các quầy (sàn giao dịch) của các ngân hàng và công ty chứng khoán.

◆ *Đặc điểm :*

- *Hình thức tổ chức :* Không có địa điểm giao dịch tập trung giữa người mua và người bán .
- *Hàng hóa giao dịch :* Rất đa dạng, bao gồm các loại chứng khoán đã niêm yết trên Sàn giao dịch CK và các chứng khoán chưa đủ điều kiện niêm yết .
- *Cơ chế xác lập giá :* Chủ yếu được thực hiện thông qua thương lượng và thỏa thuận song phương giữa bên mua và bên bán → có nhiều mức giá của một CK tại một thời điểm .
- *Nhà tạo lập thị trường :* Là các công ty môi giới giao dịch hoạt động dưới 2 hình thức
 - Mua bán chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của công ty → Hoạt động giao dịch .

- Làm môi giới đại lý chứng khoán cho khách hàng để hưởng hoa hồng → Hoạt động môi giới .
- Tạo tính thanh khoản cho thị trường thông qua việc nắm giữ một lượng chứng khoán để sẵn sàng mua bán, giao dịch với khách hàng .
- *Hệ thống thông tin* : Sử dụng hệ thống máy tính kết nối tất cả đối tượng tham gia thị trường trong các giao dịch, đàm phán thương lượng giá, truy cập và thông báo các thông tin có liên quan đến giao dịch .

Mạng máy tính được sử dụng rộng rãi trong giao dịch mua bán và quản lý trên thị trường OTC

- *Quản lý thị trường OTC* : Được tổ chức và quản lý theo 2 cấp
 - Cấp quản lý Nhà nước : Do Ủy ban CKNN trực tiếp quản lý trên cơ sở của Luật chứng khoán và các luật khác có liên quan .
 - Cấp quản lý tự quản : có 2 hình thức
 - + Do Hiệp hội các nhà giao dịch chứng khoán quản lý (Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan)
 - + Do Sở giao dịch đồng thời quản lý (Anh, Pháp, Canada)
- Tạo thuận lợi cho việc giám sát và đảm bảo thực hiện tốt nhất kỹ năng nghiệp vụ và đạo đức hành nghề của thành viên → đảm bảo sự ổn định và phát triển của thị trường và bảo vệ nhà đầu tư .
- *Cơ chế thanh toán* : Linh hoạt và đa dạng giữa người mua và người bán

Thời hạn thanh toán không cố định, có thể là T+O, T+1, T+2, T+X trên cùng một thị trường tùy theo từng thương vụ và sự phát triển của thị trường .

◆ **Vai trò của thị trường OTC :**

- Hỗ trợ và thúc đẩy thị trường chứng khoán tập trung phát triển .
- Hạn chế, thu hẹp thị trường tự do, góp phần đảm bảo sự ổn định và lành mạnh của thị trường chứng khoán .
- Tạo thị trường giao dịch cho chứng khoán của các công ty vừa và nhỏ, các chứng khoán chưa đủ điều kiện niêm yết .

2 - So sánh thị trường OTC và thị trường tập trung :

THỊ TRƯỜNG OTC	SỞ GIAO DỊCH
Địa điểm giao dịch không tập trung	Tập trung
Giao dịch qua mạng máy vi tính	Qua mạng hoặc không
Thỏa thuận giá	Đấu giá tập trung
Hàng hóa : có cả 2 loại chứng khoán → độ rủi ro cao hơn	Chỉ có chứng khoán đủ điều kiện niêm yết → độ rủi ro thấp
Có các nhà tạo lập thị trường	Không
Tổ chức tự quản là Hiệp hội hoặc Sở Giao dịch chứng khoán	Sở Giao dịch chứng khoán
Có quản lý Nhà nước, tổ chức chặt chẽ	Có quản lý Nhà nước, tổ chức chặt chẽ
Cơ chế thanh toán đa dạng	Cơ chế thanh toán bù trừ đa phương thống nhất
Tuân thủ luật pháp và các quy định	Tuân thủ luật pháp và các quy định

Câu hỏi ôn tập :

- 1/ Sở giao dịch chứng khoán là gì ?
- 2/ Sở giao dịch chứng khoán ở Việt Nam hiện nay thuộc hình thức sở hữu nào ?

- 3/ Loại hình công ty nào được phép niêm yết chứng khoán trên Sở GDCK ?
- 4/ Các điều kiện để được niêm yết trên sàn giao dịch tập trung ?
- 5/ Thị trường phi tập trung và thị trường tự do khác nhau như thế nào ?
- 6/ Ưu điểm và nhược điểm của chứng khoán khi được mua bán trên thị trường OTC

Chương 4 :

KỸ THUẬT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

I – MÔ HÌNH THỊ TRƯỜNG

1 - Thị trường khớp lệnh và thị trường khớp giá :

a/ Trong thị trường khớp giá :

- ☞ Giao dịch được thực hiện giữa một bên là người đầu tư và một bên là người tạo thị trường .
- ☞ Giá thực hiện được xác định trên cơ sở cạnh tranh giữa những người tạo thị trường, thay vì đặt lệnh giao dịch người đầu tư chỉ cần lựa chọn mức giá được coi là phù hợp . Những người tạo thị trường được hưởng phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán trong các giao dịch.
- Tăng cường tính thanh khoản của thị trường, nhưng lại luôn tiềm ẩn hành vi giao dịch không công bằng .
- ⇒ Không áp dụng được ở thị trường mới hình thành

b/ Trong thị trường khớp lệnh :

- ☞ Lệnh giao dịch của người đầu tư được khớp trực tiếp với nhau, không có sự tham gia của những người tạo thị trường .
- ☞ Giá thực hiện được xác định trên cơ sở cạnh tranh (đấu giá) giữa những người đầu tư. Người đầu tư phải trả một khoản phí môi giới cho công ty chứng khoán theo tỷ lệ quy định hoặc thỏa thuận, khoản phí này thấp hơn so với thị trường khớp giá .
- Quá trình xác lập giá được thực hiện một cách hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả về chi phí đối với người đầu tư .

2 - Khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục :

a/ Trong thị trường khớp giá :

- **Khớp lệnh định kỳ :** là phương thức giao dịch trong đó giá thực hiện được xác định theo điều kiện cho phép khối lượng giao dịch cao nhất, trên cơ sở tập hợp tất cả các lệnh mua và lệnh bán trong một khoảng thời gian nhất định.

→ Xác lập mức giá cân bằng trên thị trường, ngăn chặn những đột biến về giá chứng khoán.

Tuy nhiên, giá được xác lập theo phương thức này không phản ánh tức thời thông tin thị trường và hạn chế cơ hội giao dịch của người đầu tư.

- **Khớp lệnh liên tục :** giao dịch được thực hiện liên tục ngay khi các lệnh đối ứng được nhập vào hệ thống .

II – MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

1) Thời gian giao dịch :

- Hai phiên giao dịch (phiên sáng và phiên chiều)
- Dạng một phiên
- Yếu tố quyết định thời gian giao dịch là quy mô của thị trường chứng khoán, đặc biệt là quy mô thanh khoản .

2) Loại giao dịch :

- **Giao dịch giao ngay (cash transaction) :** là loại giao dịch được thanh toán ngay trong ngày giao dịch (ngày T) . Thực hiện chủ yếu đối với giao dịch trái phiếu.
- **Giao dịch kỳ hạn (forward transaction) :** là loại giao dịch thanh toán vào một ngày cố định được xác định trước hoặc theo sự thỏa thuận giữa hai bên mua và bán . Hiện nay, loại giao dịch này hầu như không còn được sử dụng.

3) Lệnh giao dịch :

- **Lệnh giới hạn (limit order) :** là loại lệnh giao dịch trong đó người đặt lệnh chỉ ra mức giá giới hạn đối với việc thực hiện giao dịch của mình.

Lệnh giới hạn mua : chỉ ra mức giá tối đa mà người đặt lệnh chấp nhận thực hiện giao dịch

Lệnh giới hạn bán : chỉ ra mức giá tối thiểu mà người đặt lệnh chấp nhận thực hiện giao dịch.

- **Lệnh dừng (stop order) :** người đầu tư phải chỉ rõ mức giá dừng bán phải thấp hơn mức giá hiện hành . Ngược lại, nếu là lệnh dừng mua, mức giá dừng phải cao hơn. Lệnh dừng có thể được coi là lệnh thị trường có điều kiện.
- **Lệnh giới hạn dừng (stop limit order) :** là lệnh được sử dụng nhằm khắc phục sự bất định về mức giá thực hiện tiềm ẩn trong lệnh dừng, người đầu tư phải chỉ rõ hai mức giá, một mức giá dừng và một mức giá giới hạn. Lệnh giới hạn dừng có thể được coi là lệnh giới hạn có điều kiện.
- **Lệnh ngày (day order)**
- **Lệnh hiệu lực đến khi hủy bỏ (good - till - cancel)**
- **Lệnh thực hiện hoặc không (fill - or - kill)**

4) Nguyên tắc khớp lệnh :

- Nguyên tắc khớp lệnh chính yếu được tất cả các thị trường áp dụng là ưu tiên về giá . Lệnh mua với giá cao nhất và lệnh bán với giá thấp nhất được thực hiện trước.
- Ngoài ra, một số nguyên tắc khớp lệnh thứ yếu thường được áp dụng bao gồm ưu tiên về thời gian, ưu tiên cho khách hàng, ưu tiên theo khối lượng và phân bổ theo tỷ lệ.

5) Chu kỳ thanh toán :

- Dựa trên chu kỳ thanh toán, có 3 loại giao dịch : giao dịch thông thường, giao dịch giao ngay và giao dịch kỳ hạn.
- FIBV và G-30 khuyến nghị chuẩn mực chu kỳ thanh toán T+3 cho các giao dịch thông thường (*regular transaction*) ở các thị trường.
- Chu kỳ thanh toán càng được rút ngắn thì rủi ro thanh toán càng được giảm thiểu .

6) Đơn vị giao dịch :

- Các Sở giao dịch thường có quy định về khối lượng giao dịch tối thiểu của một lệnh giao dịch, gọi là lô chặn hay đơn vị giao dịch .
- Đơn vị giao dịch là một trong những yếu tố có thể tác động đến cung cầu trong giao dịch chứng khoán.
- Thông thường, trong phương thức khớp lệnh đơn vị giao dịch được quy định thống nhất :

Cổ phiếu = 10 cổ phiếu

Trái phiếu = 100 trái phiếu

Chứng chỉ quỹ đầu tư = 10 chứng chỉ .

7) Đơn vị yết giá :

- Đơn vị yết giá là bước giá tối thiểu trong giao dịch chứng khoán.
- Đối với phương thức khớp lệnh :

Mức giá của cổ phiếu	Bước giá giao dịch
Cổ phiếu ≤ 49.900	100 đồng
Cổ phiếu 50.000 – 99.500	500 đồng

Cổ phiếu ≥ 100.000	1.000 đồng
-------------------------	------------

- Cho phép người đầu tư có thể có nhiều lựa chọn về mức giá giao dịch nhưng lệnh giao dịch có thể bị dàn trải.

8) *Biên độ dao động giá :*

- Trong các biện pháp ổn định giá trên thị trường chứng khoán, biên độ dao động giá được sử dụng.
- Biên độ dao động giá quy định khoảng dao động giá cho phép đối với từng chứng khoán trong ngày giao dịch.
- Lệnh giao dịch có mức giá vượt quá giới hạn trên (giá trần - ceiling) hoặc giới hạn dưới (giá sàn - floor) bị coi là không hợp lệ và sẽ bị hệ thống giao dịch từ chối.
- ➔ Ngăn chặn những đột biến về giá, đảm bảo tính ổn định của thị trường, củng cố lòng tin của công chúng đầu tư vào thị trường chứng khoán.

III - THỰC HIỆN GIAO DỊCH

1) *Mở tài khoản :*

- Để bắt đầu tham gia giao dịch chứng khoán, người đầu tư phải mở một tài khoản giao dịch tại một công ty chứng khoán là thành viên của Sở giao dịch . Thủ tục tương tự như mở tài khoản ngân hàng.

2) *Các loại tài khoản :* gồm 3 loại

- *Tài khoản thông thường (cash account)*
- *Tài khoản tư vấn (advisory account)*
- *Tài khoản uỷ thác (discretionary account)*

- *Tài khoản thông thường* : công ty chứng khoán chỉ đơn thuần cung cấp dịch vụ môi giới.
- *Tài khoản tư vấn* : người đầu tư uỷ quyền cho chuyên gia đầu tư của công ty chứng khoán thực hiện các giao dịch chứng khoán theo những điều kiện quy định trong hợp đồng. Công ty chứng khoán chỉ chấp nhận mở loại tài khoản này với một giá trị tài sản tối thiểu nhất định.
- *Tài khoản uỷ thác* : là loại tài khoản cho phép người quản lý tài khoản (chuyên gia đầu tư của công ty chứng khoán) thực hiện việc mua, bán chứng khoán mà không cần thông báo cho chủ tài khoản hoặc được sự chấp thuận trước của chủ tài khoản.

3) Quản lý tài khoản :

- *Đặt lệnh* : người đầu tư có thể sử dụng nhiều phương tiện khác nhau để đặt lệnh giao dịch . Trực tiếp bằng phiếu lệnh (order slip), điện thoại, fax hay máy vi tính.

Khi nhận lệnh, nhân viên môi giới của công ty chứng khoán sẽ kiểm tra tài khoản (account ID), mật khẩu (password), tình trạng tài khoản, cũng như tính hợp lệ của lệnh trước khi chuyển lệnh giao dịch đó đến Sở giao dịch.

- *Xác nhận giao dịch* : khi lệnh giao dịch của khách hàng được thực hiện, công ty chứng khoán có trách nhiệm thông báo cho khách hàng biết thông qua điện thoại và sau đó gửi phiếu xác nhận (*confirmation*) chính thức qua đường bưu điện.
- *Sao kê tài khoản* : Công ty chứng khoán có trách nhiệm gửi sao kê tài khoản (*account statement*) của khách hàng theo định kỳ hàng tháng, trong đó liệt kê chi tiết mọi thay đổi của tài khoản.
- *Ký quỹ bảo đảm* : tiền và chứng khoán đều có thể sử dụng làm ký quỹ bảo đảm (*good-faith deposit*). Khi chứng khoán được sử dụng, giá trị quy đổi của chứng khoán được tính trên cơ sở giá thị trường chiết khấu theo một tỷ lệ quy định . Tỷ lệ ký quỹ bảo đảm có thể được sử dụng như một công cụ điều tiết thị trường của cơ quan quản lý.

4) Một số trường hợp giao dịch đặc biệt :

a/ Cổ phiếu mới niêm yết :

- Trong ngày giao dịch đầu tiên, các SDG thường có những phương thức khác nhau trong việc xác định mức giá đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết (*giá tham chiếu*).
- Tùy theo tình trạng thị trường, các SDG có thể lựa chọn áp dụng một phương thức xác định giá tham chiếu : giá chào bán, giá mở cửa và giá trung bình.
- Luật chứng khoán ở các thị trường cũng thường quy định nghĩa vụ tạo thị trường của tổ chức bảo lãnh phát hành nhằm duy trì sự ổn định giá của cổ phiếu mới niêm yết trong một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày được chính thức niêm yết.

b/ Tách, gộp cổ phiếu :

- Tách, gộp cổ phiếu là việc chia nhỏ hoặc gộp lại mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành .
- Việc tách, gộp cổ phiếu thường phải được Hội đồng quản trị của tổ chức phát hành thông qua và có thể được sử dụng để điều chỉnh số lượng cổ phiếu lưu hành.

c/ Giao dịch theo lô :

- *Giao dịch lô lớn* : được quy định dựa trên khối lượng và giá trị của giao dịch. Những tiêu chí này được xác lập trên cơ sở quy mô vốn cổ phần của các công ty niêm yết, dung lượng và tính thanh khoản của thị trường .
- *Giao dịch lô lẻ* : là các giao dịch có khối lượng nhỏ hơn một đơn vị giao dịch quy định. Giá thực hiện trong giao dịch lô lẻ có thể được xác định trên cơ sở lấy giá giao dịch của loại chứng khoán đó trên Sở giao dịch và chiết khấu theo một tỷ lệ quy định hoặc thoả thuận giữa cty chứng khoán và đầu tư.

d/ Giao dịch ký quỹ :

∞ *Giao dịch ký quỹ (margin trading)* : là việc mua hoặc bán chứng khoán trong đó người đầu tư chỉ thực hiện có một phần tiền hoặc chứng khoán, phần còn lại do công ty chứng khoán cho vay.

⇒ Ổn định giá chứng khoán và tăng cường tính thanh khoản của thị trường.

∞ Giao dịch ký quỹ gồm 2 loại :

- *Mua ký quỹ (margin purchase)*: người đầu tư chỉ cần có một phần tiền trong tổng giá trị số chứng khoán đặt mua, phần còn lại do công ty chứng khoán cho vay. Sau khi giao dịch được thực hiện, số chứng khoán đã mua của khách hàng được công ty chứng khoán giữ làm thế chấp cho khoản vay.
- *Bán khống (short sale)*: là giao dịch trong đó người đầu tư đặt lệnh bán chứng khoán khi không có chứng khoán trong tài khoản.

Câu hỏi ôn tập :

- 1/ Phân biệt giữa thị trường khớp lệnh và thị trường khớp giá .
- 2/ Biên độ giao động giá là gì ? Biên độ giao động giá tại sở GDCK Tp HCM và Hà nội hiện nay được quy định tỷ lệ là bao nhiêu ?
- 3/ Các nhà đầu tư nhận định về thị trường ra sao khi họ thực hiện việc bán khống chứng khoán ?

Chương 5 :

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN & QUỸ ĐẦU TƯ

A. QUỸ ĐẦU TƯ

I - KHÁI NIỆM VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Quỹ đầu tư là gì?

- Quỹ đầu tư được coi là một phương tiện đầu tư tập thể, là một tập hợp tiền của các nhà đầu tư và được ủy thác cho nhà quản lý đầu tư chuyên nghiệp tiến hành đầu tư để mang lại lợi nhuận cao nhất cho những người góp vốn.
- Quỹ đầu tư được phân thành nhiều loại khác nhau dựa vào các tiêu chí khác nhau.

2. Các lợi ích cơ bản của người đầu tư khi thực hiện đầu tư qua quỹ

- ∞ Giảm thiểu rủi ro nhờ đa dạng hóa danh mục đầu tư.
- ∞ Tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đạt các yêu cầu về lợi nhuận.
- ∞ Được quản lý chuyên nghiệp.
- ∞ Giám sát chặt chẽ bởi các cơ quan thẩm quyền .
- ∞ Tính năng động của quỹ đầu tư .

3. Vai trò của quỹ đầu tư trên TTCK :

- Góp phần huy động vốn cho nền kinh tế.
- Góp phần vào sự phát triển của thị trường sơ cấp.
- Góp phần vào việc ổn định thị trường thứ cấp.
- Tạo ra các phương thức huy động vốn đa dạng thông qua TTCK.
- Xã hội hóa hoạt động đầu tư chứng khoán.

II - CÁC LOẠI HÌNH QUỸ ĐẦU TƯ

1, Dựa vào nguồn vốn huy động :

- *Quỹ đầu tư tập thể:* là quỹ huy động vốn bằng cách phát hành rộng rãi ra công chúng.
- Đa dạng hóa đầu tư, giảm thiểu rủi ro, chi phí đầu tư thấp với hiệu quả đầu tư cao (do tính chuyên nghiệp của nhà đầu tư).
- *Quỹ đầu tư tư nhân:* là quỹ huy động vốn bằng cách phát hành riêng lẻ cho một số nhóm nhỏ các nhà đầu tư.
- Lượng vốn tương đối lớn nên các nhà đầu tư đòi hỏi các yêu cầu về quản lý quỹ rất cao. Nhà quản lý quỹ thường tham gia kiểm soát hoạt động của các công ty nhận đầu tư.

2, Dựa vào cấu trúc vận động vốn

- *Quỹ đầu tư dạng đóng:* quỹ chỉ phát hành cổ phiếu/chứng chỉ đầu tư ra công chúng một lần với số lượng nhất định và không thực hiện việc mua lại cổ phiếu/chứng chỉ đầu tư khi nhà đầu tư có nhu cầu bán lại.
- Các nhà đầu tư có thể mua hoặc bán để thu hồi vốn cổ phiếu/chứng chỉ đầu tư của mình trên thị trường thứ cấp thông qua các nhà môi giới.
- *Quỹ đầu tư dạng mở:* quỹ liên tục phát hành cổ phiếu/chứng chỉ đầu tư ra công chúng và thực hiện việc mua lại cổ phiếu/chứng chỉ đầu tư khi nhà đầu tư có nhu cầu thu hồi vốn.
- Không giao dịch trên thị trường thứ cấp mà giao dịch thẳng với quỹ hoặc các đại lý được ủy quyền của quỹ.

3, Dựa vào cơ cấu tổ chức và hoạt động của quỹ:

- *Quỹ đầu tư dạng công ty :* hình thành theo quy định của pháp luật từng nước (là một pháp nhân).

- ✓ Các tổ chức tham gia: công ty quản lý quỹ, ngân hàng bảo quản, các đại lý chuyển nhượng và nhà bảo lãnh phát hành chính.
- ✓ Cơ quan điều hành cao nhất của quỹ là hội đồng quản trị quỹ do các cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ quản lý toàn bộ hoạt động của quỹ, lựa chọn và giám sát hoạt động đầu tư của công ty quản lý quỹ.
- ✓ Công ty quản lý quỹ hoạt động như một nhà tư vấn đầu tư .
- *Quỹ đầu tư dạng hợp đồng (mô hình quỹ tín thác đầu tư): một lượng tiền nhất định do các nhà đầu tư đóng góp hình thành nên quỹ (không phải là pháp nhân).*
- ✓ Các tổ chức tham gia: công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và bảo quản, các nhà đầu tư.
- ✓ Công ty quản lý quỹ: đứng ra thành lập quỹ,
- ✓ Huy động vốn và đầu tư theo những mục tiêu đã đề ra trong điều lệ quỹ.
- ✓ Ngân hàng giám sát và bảo quản: bảo quản vốn và các tài sản của quỹ, giám sát các hoạt động của công ty quản lý quỹ.
- Quan hệ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, bảo quản được thể hiện bằng hợp đồng quản lý giám sát.
- ✓ Người đầu tư: là những người góp vốn vào quỹ và uỷ thác việc đầu tư cho công ty quản lý quỹ để đảm bảo khả năng sinh lợi cao nhất từ khoản vốn đóng góp.

III - HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

1. Huy động vốn:

- ***Phương thức hình thành vốn***
 - ✓ *Đối với các quỹ đầu tư dạng công ty:* quỹ phát hành cổ phần, cổ đông của quỹ nhận được các cổ phiếu xác nhận số cổ phần mình sở hữu tại công ty.

- ✓ *Đối với các quỹ đầu tư dạng hợp đồng:* quỹ phát hành chứng chỉ đầu tư, xác nhận số đơn vị tương đương với số vốn người đầu tư góp vào quỹ. Chứng chỉ đầu tư phát hành dưới hình thức ghi danh hoặc vô danh, có thể được giao dịch và chuyển nhượng như cổ phiếu.
 - ✓ Việc định giá cổ phiếu quỹ là do các tổ chức bảo đảm (fund sponsor) hoặc các tổ chức bảo lãnh phát hành xác định giá chào bán ban đầu các chứng chỉ đầu tư của quỹ.
 - ✓ Chi phí chào bán lần đầu được khấu trừ từ tổng giá trị của quỹ huy động được.
- ***Phương thức chào bán***
- ✓ *Chào bán qua các tổ chức phát hành:* người bảo lãnh của quỹ đóng vai trò như là người buôn bán và người phân phối đối với các hãng kinh doanh và môi giới chứng khoán. Ngoài ra, các quỹ đầu tư có thể thông qua các đại lý chào bán là các ngân hàng thương mại, các công ty chứng khoán hoặc các công ty tài chính để thực hiện việc chào bán.
 - ✓ *Chào bán trực tiếp từ quỹ hoặc công ty quản lý quỹ:* các quỹ được trực tiếp bán cổ phiếu cho nhà đầu tư mà không thông qua một trung gian nào.
- ***Khái niệm giá trị tài sản ròng của quỹ***
- ✓ *Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) bằng tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư của quỹ trừ đi các nghĩa vụ phải trả của quỹ.*
- Là một trong các chỉ tiêu quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ và là cơ sở của định giá chào bán cũng như để xác định giá mua lại đối với các quỹ đầu tư dạng mở.
- ***Giao dịch chứng chỉ đầu tư / cổ phiếu của quỹ sau khi phát hành***
- ✓ *Đối với các quỹ đầu tư dạng đóng:* chứng chỉ đầu tư/ cổ phần của quỹ được niêm yết trên thị trường tập trung và giao dịch như bất kỳ loại cổ phiếu niêm yết nào.

→ Do cung cầu trên thị trường điều tiết nên xa rời giá trị tài sản ròng và thấp hơn giá trị tài sản ròng.

✓ Đối với các quỹ đầu tư dạng mở: chứng chỉ đầu tư/ cổ phần của quỹ được phát hành thêm và mua lại tại chính công ty quản lý quỹ hoặc thông qua các đại lý của công ty.

→ Luôn gắn với giá trị tài sản ròng của quỹ.

▪ **Định giá**

✓ NAV (chứng chỉ / cổ phần)

= NAV (quỹ) / Tổng số chứng chỉ hoặc cổ phần đang lưu hành

✓ Giá chào bán (P_o)

= NAV / (Chứng chỉ + Chi phí bán)

✓ Tỷ lệ phí chào bán (%)

= (NAV - P_o) / P_o

→ Nếu tỷ lệ chào bán được xác định trước trong các bản cáo bạch của quỹ:

✓ Giá chào bán (P_o)

= NAV / (100% - Tỷ lệ phí chào bán)

✓ Giá mua vào

= NAV / (Chứng chỉ - Chi phí mua lại)

▪ **Cơ chế vay và cho vay vốn của quỹ**

✓ Một quỹ hay sử dụng đòn bẩy thường mang theo các rủi ro lớn.

✓ Khi biện pháp đòn bẩy được sử dụng, NAV thường có chiều hướng lên xuống rất nhanh.

- ✓ Luật pháp các nước thường chỉ cho phép quỹ vay tiền từ các ngân hàng. Do vậy, các danh mục đầu tư đòn bẩy chỉ có thể đáp ứng nhu cầu về vốn ngắn hạn. Các quỹ này cũng bị giới hạn về số lượng vay nợ tức là phải khống chế hệ số đòn bẩy .

2. Mục tiêu đầu tư & xác lập danh mục đầu tư :

- Lựa chọn mục tiêu đầu tư của quỹ: bất kỳ quỹ nào cũng đạt được mục tiêu như sau:
 - ✓ *Thu nhập*: nhanh chóng có người chi trả cổ tức.
 - ✓ *Lãi vốn*: làm tăng giá trị của các nguồn vốn ban đầu thông qua việc đánh giá các cổ phiếu trong danh mục đầu tư của quỹ.
 - ✓ *Thu nhập và lãi vốn*: sự kết hợp của cả hai yếu tố trên.
- Tên gọi của các quỹ thể hiện mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ. Các loại quỹ thường gặp là:
 - ✓ Quỹ tăng trưởng
 - ✓ Quỹ thu nhập và tăng trưởng
 - ✓ Quỹ thu nhập - cổ phiếu
 - ✓ Quỹ cân bằng
 - ✓ Quỹ có khả năng chuyển đổi
 - ✓ Quỹ thu nhập - quyền lựa chọn
 - ✓ Quỹ ngành
 - ✓ Quỹ trái phiếu
- Phân bổ tài sản và hình thành danh mục đầu tư của quỹ
 - ✓ Việc phân bổ tài sản của quỹ là một khâu quan trọng sau khi quỹ đã hình thành và chuẩn bị tiến hành hoạt động đầu tư.

- ✓ Việc phân bổ tài sản góp phần quan trọng vào tối ưu hóa danh mục đầu tư và tối ưu hóa mức sinh lợi từ các khoản đầu tư.

3. Chi phí hoạt động :

- Chi phí liên quan tới hoạt động đầu tư
- Chi phí quản lý và điều hành
- Các chi phí quản lý hành chính khác

4. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động :

- **Tổng thu nhập :** Các bộ phận cấu thành tổng lợi nhuận của một quỹ cổ phiếu:
 - ✓ *Cổ tức:* là khoản thu nhập đầu tư ròng (bao gồm cổ tức và lãi suất thu được từ danh mục đầu tư của quỹ khấu trừ đi chi phí).
 - ✓ *Phân phối các khoản thu nhập ròng được thừa nhận* (các khoản đầu tư đã quyết toán xong có lãi (hoặc bị lỗ)
 - ✓ *Sự thay đổi của NAV:* phản ánh sự tăng hoặc giảm trong giá trị các khoản đầu tư vào cổ phiếu mà các quỹ đang nắm giữ. Ngoài ra, nó cũng bao gồm các khoản thu nhập ròng được thừa nhận hoặc thu nhập ròng từ các khoản đầu tư chưa chia cho các nhà đầu tư.
 - ✓ *Tranh chấp*

= (Số tiền phân chia + Sự thay đổi trong NAV) / NAV tại thời điểm đầu kỳ

▪ Tỷ lệ chi phí

- ✓ Tỷ lệ này được xác định bằng tổng chi phí chia cho giá trị tài sản ròng trung bình (Phí môi giới từ các giao dịch của quỹ không tính trong tỷ lệ chi phí này).
- ✓ Tỷ lệ chi phí có thể khác nhau từ 0,5% đến trên 5%.
- ✓ Tất cả các tỷ lệ chi phí thấp hơn 1% đều được coi là thấp.

- ***Tỷ lệ thu nhập***

- ✓ Tỷ lệ này được xác định bằng giá trị thu nhập đầu tư ròng chia cho giá trị tài sản ròng trung bình.

- ***Tỷ lệ doanh thu***

- ✓ Tỷ lệ này được xác định bằng số lượng tài sản bán hoặc mua chia cho giá trị tài sản ròng của quỹ trong năm.

5. Chất lượng của hoạt động quản lý quỹ

- ✓ Tối thiểu hoá thua lỗ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đến sự tăng trưởng dài hạn so với hình thành một quỹ nổi tiếng trên thị trường đang lên.
- ✓ Một quỹ hoạt động tốt, được quản lý tốt thu hút nhiều nhà đầu tư hơn và tài sản của nó theo đó của tăng lên hàng năm.

B - CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

I - VAI TRÒ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

- Các công ty chứng khoán là tác nhân quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của thị trường chứng khoán nói riêng.
 - Công ty chứng khoán có 3 chức năng chủ yếu trên thị trường tài chính:
 - ✓ *Vai trò huy động vốn*: làm chiếc cầu nối và đồng thời là các kênh dẫn cho vốn chảy từ một hay một số bộ phận nào đó của nền kinh tế có dư thừa vốn (vốn nhàn rỗi) đến các bộ phận khác của nền kinh tế đang thiếu vốn (cần huy động vốn). Các công ty chứng khoán thường đảm nhiệm vai trò này qua các hoạt động bảo lãnh phát hành và môi giới chứng khoán.
 - ✓ *Vai trò cung cấp một cơ chế giá cả*: giúp nhà đầu tư có được sự đánh giá đúng thực tế và chính xác về giá trị khoản đầu tư của mình.
- Góp phần điều tiết giá chứng khoán.

- ✓ *Vai trò cung cấp một cơ chế chuyển ra tiền mặt: giúp nhà đầu tư chịu ít thiệt hại nhất khi tiến hành đầu tư.*

II - MÔ HÌNH TỔ CHỨC CỦA CTY CHỨNG KHOÁN

1. Mô hình công ty chứng khoán

- *Mô hình đa năng kinh doanh chứng khoán và tiền tệ: các ngân hàng thương mại hoạt động với tư cách là chủ thể kinh doanh chứng khoán, bảo hiểm và kinh doanh tiền tệ.*

Mô hình này chia làm 2 loại:

- ✓ *Loại đa năng một phần: các ngân hàng muốn kinh doanh chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm phải lập công ty độc lập hoặc tách rời.*
- ✓ *Loại đa năng hoàn toàn: các ngân hàng được kinh doanh chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm bên cạnh kinh doanh tiền tệ.*
- *Ưu điểm: giảm bớt rủi ro cho hoạt động kinh doanh chung và có khả năng chịu đựng các biến động của thị trường chứng khoán; tận dụng được thế mạnh chuyên môn và vốn để kinh doanh chứng khoán.*
- *Hạn chế: ngân hàng có xu hướng bảo thủ và thích hoạt động cho vay hơn là bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu; dễ gây lũng đoạn thị trường.*
- *Mô hình chuyên doanh chứng khoán*
 - ✓ *Hoạt động chuyên doanh chứng khoán sẽ do các công ty độc lập, chuyên môn hoá trong lĩnh vực chứng khoán đảm nhận; các ngân hàng không được tham gia kinh doanh chứng khoán.*
 - *Hạn chế rủi ro cho hệ thống ngân hàng, tạo điều kiện cho thị trường chứng khoán phát triển.*

2. Tổ chức của công ty chứng khoán :

- *Công ty hợp danh*
 - ✓ *Là loại hình kinh doanh từ 2 chủ sở hữu trở lên.*

- ✓ Thành viên tham gia vào quyết định quản lý được gọi là thành viên hợp danh, chịu trách nhiệm vô hạn với những khoản nợ của công ty hợp danh bằng toàn bộ tài sản của mình.
 - ✓ Thành viên không tham gia điều hành công ty được gọi là thành viên góp vốn, chỉ chịu trách nhiệm với những khoản nợ của công ty giới hạn trong số vốn góp.
- Khả năng huy động vốn bị giới hạn
- *Công ty trách nhiệm hữu hạn*
 - ✓ Là loại công ty đòi hỏi trách nhiệm của những thành viên giới hạn trong số vốn mà họ đã góp.
- Huy động vốn đơn giản và linh hoạt.
- *Công ty cổ phần*
 - ✓ Là một pháp nhân độc lập với các chủ sở hữu là các cổ đông.
 - ✓ Giấy chứng nhận cổ phiếu không thể hiện một món nợ của công ty, mà thể hiện quyền lợi của người sở hữu nó đối với tài sản của công ty.
 - ✓ Công ty vẫn còn tồn tại khi quyền sở hữu của công ty bị thay đổi.
- Rủi ro được hạn chế ở một mức nhất định, quyền sở hữu được chuyển đổi dễ dàng.
- ❖ ***Một số đặc trưng cơ bản của công ty CK:***
 - Chuyên môn hóa và phân cấp quản lý.
 - Nhân tố con người (quan hệ với khách hàng có tầm quan trọng số một).
 - Ảnh hưởng đến thị trường tài chính.
 - ❖ ***Cơ cấu tổ chức của công ty chứng khoán.***

- *Khối I (front office)*: do một phó giám đốc trực tiếp phụ trách, thực hiện các giao dịch mua bán kinh doanh chứng khoán.
 - ✓ Đem lại thu nhập cho công ty bằng cách đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tạo ra các sản phẩm phù hợp với các nhu cầu đó.
 - ✓ Ứng với một nghiệp vụ chứng khoán cụ thể, công ty có thể tổ chức một phòng để thực hiện.
 - ✓ Riêng phòng thanh toán và lưu giữ chứng khoán thì mọi công ty chứng khoán đều phải có và có thể ở khối I do trực tiếp liên hệ với khách hàng.
- *Khối II (back office)*: cũng do một phó giám đốc phụ trách, thực hiện các công việc yểm trợ cho khối I.

Câu hỏi ôn tập :

- 1/ Hoạt động của công ty chứng khoán thực hiện nguyên tắc gì trên thị trường chứng khoán ?
- 2/ Vai trò của công ty chứng khoán ?
- 3/ Quỹ đầu tư chứng khoán là gì ? Các lợi ích của việc đầu tư qua quỹ ?
- 4/ Phân biệt quỹ đầu tư dạng đóng và quỹ đầu tư dạng mở . Ưu nhược điểm của mỗi loại ?
- 5/ Phân biệt quỹ đầu căn cứ vào cơ cấu tổ chức và căn cứ vào nguồn vốn huy động ?

Chương 6

LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

I - KHÁI NIỆM:

- Lưu ký chứng khoán là việc nhận chứng khoán do khách hàng gửi, bảo quản chứng khoán cho khách hàng và giúp khách hàng thực hiện các quyền của mình đối với chứng khoán.
- Chứng khoán đã được lưu ký sẽ được ghi nhận vào tài khoản lưu ký chứng khoán đứng tên nhà đầu tư. Khi chứng khoán được giao dịch, tài khoản của nhà đầu tư sẽ được ghi tăng hoặc giảm mà không cần phải trao tay tờ chứng chỉ chứng khoán.

II - LỢI ÍCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ KHI THAM GIA LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

- Tiết kiệm thời gian và giảm thiểu chi phí đối với nhà đầu tư.
- Tránh được các rủi ro, hư hỏng, mất mát, giả mạo... khi tự cất giữ chứng khoán tại nhà.
- Được hưởng các dịch vụ thuận tiện, nhanh chóng khi gửi và rút chứng khoán.
- Được đảm bảo bí mật và các quyền lợi của người sở hữu chứng khoán như: quyền bỏ phiếu; quyền nhận lãi, vốn gốc trái phiếu; quyền nhận cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ tức bằng tiền; quyền mua cổ phiếu phát hành thêm; quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi, tách gộp cổ phiếu...

III - VAI TRÒ CỦA VIỆC LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

1. Giảm thiểu rủi ro trong việc bảo quản chứng khoán
 - ❖ Giảm thiểu rủi ro và chi phí liên quan đến việc thanh toán trong giao dịch cho nhà đầu tư và doanh nghiệp
 - ❖ Gián tiếp hỗ trợ dịch vụ cho nhà đầu tư.
 - ❖ Cung cấp cho khách hàng các dịch vụ liên quan đến :
 - Mở tài khoản lưu ký

- Nhận gửi, rút, chuyển khoản, cầm cố và giải tỏa cầm cố chứng khoán lưu ký theo yêu cầu của khách hàng và bên nhận cầm cố .
- Chuyển nhượng quyền sở hữu chứng khoán: tặng, cho, thừa kế (theo quy định của pháp luật)
- Cung cấp thông tin về các quyền lợi phát sinh đối với chứng khoán và thay mặt khách hàng thực hiện các quyền : hưởng cổ tức (bằng tiền, bằng cổ phiếu), đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm, chuyển nhượng mua bán
- Thanh toán cho khách hàng các thu nhập phát sinh đối với chứng khoán họ sở hữu.

IV - HỆ THỐNG LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Gồm có Trung tâm lưu ký chứng khoán và các thành viên lưu ký

1, Trung tâm lưu ký chứng khoán:

Ngày 01/05/2006 Trung tâm lưu ký chứng khoán VN chính thức đi vào hoạt động với nhiệm vụ tạo ra một định chế tài chính mới, hoàn thiện hơn thị trường chứng khoán trong việc đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho việc giao dịch chứng khoán.

- ❖ Trung tâm lưu ký chứng khoán phải thực hiện mở tài khoản lưu ký cho các tổ chức lưu ký thành viên và cho khách hàng, tương tự như việc ngân hàng thương mại mở tài khoản vãng lai để quản lý luồng tiền cho khách hàng của mình.
- ❖ Đồng thời với việc lưu giữ, bảo quản chứng khoán vật chất Trung tâm lưu ký còn phải thực hiện cả việc theo dõi, quản lý nhập, xuất và bảo quản an toàn cho các chứng chỉ chứng khoán của khách hàng.
- ❖ Ngoài ra, Trung tâm lưu ký chứng khoán cũng như các tổ chức lưu ký còn cung ứng bất cứ dịch vụ nào khác được pháp luật cho phép liên quan đến tài khoản lưu ký chứng khoán, chẳng hạn như dịch vụ làm trung gian trong các giao dịch bảo đảm như cầm cố, giải tỏa cầm cố chứng khoán.

2, Các thành viên lưu ký bao gồm :

Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được Trung tâm lưu ký chứng khoán chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.

a/ Hoạt động của thành viên lưu ký:

- ❖ Tại thành viên lưu ký, để đảm bảo quyền lợi của khách hàng lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán chi tiết cho từng khách hàng và quản lý tách biệt tài sản cho từng khách hàng.
- ❖ Chứng khoán lưu ký của khách hàng tại thành viên lưu ký được quản lý tách biệt với tài sản của thành viên .
- ❖ Thành viên lưu ký không được sử dụng chứng khoán trong tài khoản lưu ký của khách hàng vì lợi ích của bên thứ ba hoặc vì lợi ích của chính thành viên lưu ký.

b/ Điều kiện đối với thành viên lưu ký:

- ❖ Muốn đổi sang một thành viên lưu ký khác, nhà đầu tư sẽ mở tài khoản lưu ký mới đồng thời làm thủ tục đóng tài khoản lưu ký cũ.
- ❖ Người đứng tên lưu ký chứng khoán phải chính là chủ sở hữu chứng khoán.
- ❖ Cổ phiếu của cổ đông mua chịu vẫn được lưu ký nhưng không được phép giao dịch. Được phép giao dịch khi các điều kiện hạn chế được bãi bỏ và được xác nhận từ tổ chức này.
- ❖ Sở GDCK là người được ủy quyền thay mặt người đồng sở hữu chứng khoán lưu ký nhận các quyền được hưởng từ tổ chức phát hành như cổ tức, lãi trái phiếu, cổ phiếu thưởng.
- ❖ Các chủ sở hữu cổ phiếu theo hình thức ghi sổ muốn lưu ký vẫn tiến hành các thủ tục lưu ký bình thường tại thành viên lưu ký .

V - THỦ TỤC LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Việc lưu ký chứng khoán được quản lý theo hai cấp:

- Nhà đầu tư mở khoản lưu ký tại thành viên lưu ký (các công ty chứng khoán, NHTM) để lưu ký chứng khoán.
- Thành viên lưu ký mở tài khoản lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán để tái lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư tại Trung tâm lưu ký .

1. Các thủ tục lưu ký chứng khoán :

- ❖ Việc lưu ký chứng khoán bắt đầu bằng các thủ tục mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký.
- ❖ Chứng khoán của nhà đầu tư sau khi được lưu ký tại thành viên lưu ký sẽ được thành viên lưu ký tái lưu ký và cất giữ tại kho tại của Sở GD chứng khoán dưới dạng quản lý tổng hợp và được quản lý riêng biệt với chứng khoán của chính thành viên lưu ký.
- ❖ Sau khi thành viên hoàn tất việc tái lưu ký tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì chứng khoán đó mới được phép giao dịch.
- ❖ Hồ sơ cần thiết :
 - Đối với khách hàng cá nhân:
 - CMND hoặc hộ chiếu
 - Bản chính chứng khoán có nhu cầu lưu ký (sổ cổ đông, sổ chứng nhận sở hữu cổ phần, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, chứng chỉ quỹ, trái phiếu...)
 - Đối với khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp:
 - Người đại diện tổ chức mang theo CMND/hộ chiếu và con dấu.
 - Bản chính chứng khoán có nhu cầu lưu ký (sổ cổ đông, sổ chứng nhận sở hữu cổ phần, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, chứng chỉ quỹ, trái phiếu...)

2. Quy trình lưu ký:

Bước 1: Nhà đầu tư xuất trình chứng từ cần thiết.

Bước 2: Ký tên trên phiếu gửi chứng khoán theo hướng dẫn.

Bước 3: Thành viên lưu ký lập chứng từ lưu ký gửi đi Trung tâm lưu ký .

Bước 4: Sau khi nhận chứng từ có xác nhận của Trung tâm lưu ký, Thành viên lưu ký sẽ báo chứng khoán vào tài khoản của nhà đầu tư. Nhà đầu tư bắt đầu thực hiện được mọi giao dịch và hưởng đầy đủ quyền lợi liên quan đến chứng khoán đã lưu ký.

Câu hỏi ôn tập :

- 1/ Trung tâm lưu ký chứng khoán thực hiện những hoạt động nào ? Tại sao cần phải có tổ chức này trên thị trường chứng khoán ?
- 2/ Chức năng và vai trò của hệ thống lưu ký chứng khoán ?
- 3/ Mô hình tổ chức Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hiện nay ?
Ưu điểm của mô hình này ?